

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và quản lý kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lê Thiện - Đại Bản, huyện An Dương (nay là phường An Phong)**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ các Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp Bản Thiện tại Văn bản số 25/CV-BT/2026 ngày 11 tháng 5 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 352/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 5 năm 2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và quản lý kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lê Thiện - Đại Bản, huyện An Dương (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp Bản Thiện (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường An Phong, thành phố Hải Phòng (trước là xã Lê Thiện, xã Đại Bản, huyện An Dương) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định; chủ trì cùng Ủy ban nhân dân phường An Phong và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân phường An Phong căn cứ thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát những nội dung về bảo vệ môi trường trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp Bản Thiện và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng;
- Công thông tin điện tử thành phố (để công khai Quyết định);
- UBND phường An Phong;
- Công ty CP đầu tư công nghiệp Bản Thiện;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NN&MT, NVKTGS;
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Quân**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH HẠ  
TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP LÊ THIỆN – ĐẠI BẢN,  
HUYỆN AN DƯƠNG (NAY LÀ PHƯỜNG AN PHONG)**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Dự án Đầu tư xây dựng và quản lý kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cùm công nghiệp Lê Thiện – Đại Bản, huyện An Dương.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp Bản Thiện

- Địa chỉ liên hệ: Số 10 Hồ Xuân Hương, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Phường An Phong, thành phố Hải Phòng (trước là xã Lê Thiện, xã Đại Bản, huyện An Dương).

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp Bản Thiện (theo Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng).

**1.2. Quy mô, công suất**

Khu vực dự án có tổng diện tích 596.218,7 m<sup>2</sup>, bao gồm đất giao thông tạm giao (phục vụ đấu nối với Quốc lộ 5) 2.955,3 m<sup>2</sup> và đất xây dựng cùm công nghiệp 593.263,4 m<sup>2</sup>. Bao gồm:

*Đất công cộng:* có diện tích 16.830,5 m<sup>2</sup>, bao gồm các công trình dịch vụ phục vụ Cùm công nghiệp.

*Đất công nghiệp:* có diện tích 427.968,7 m<sup>2</sup>, xây dựng các nhà máy, nhà xưởng sản xuất.

*Khu đất kỹ thuật:* có diện tích 6.371,5 m<sup>2</sup>, bố trí các công trình kỹ thuật đầu mối của Cùm công nghiệp như: trạm xử lý nước thải, bãi tập kết chất thải rắn, trạm biến áp.

*Khu đất hạ tầng kỹ thuật khác:* có diện tích 2.228,5 m<sup>2</sup> (hành lang an toàn đường ống dẫn nước thô).

*Khu đất cây xanh, mặt nước:* có diện tích 66.693,0 m<sup>2</sup>, bố trí các dải cây xanh cách ly bao quanh Cùm công nghiệp và các khu cây xanh cảnh quan tập trung dọc các tuyến đường nội bộ trong Cùm công nghiệp.

*Khu đất giao thông nội bộ, bãi đỗ xe:* có diện tích 73.171,2 m<sup>2</sup>, trong đó bãi đỗ xe có diện tích 4.486,7 m<sup>2</sup> được bố trí tiếp giáp với đường gom của Quốc lộ 5.

### 1.3. Ngành nghề thu hút đầu tư của Cụm công nghiệp

Ngành nghề thu hút của Dự án căn cứ theo Quyết định thành lập cụm công nghiệp số 3469/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố, Quyết định phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 số 3844/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện An Dương và Văn bản số 1907/SCT-QLCN ngày 10/4/2026 của Sở Công thương. Chi tiết mã ngành như sau:

<b>TT</b>	<b>Ngành nghề thu hút đầu tư</b>	<b>Mã ngành kinh tế Việt Nam theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025</b>
<b>I</b>	<b>Công nghiệp cơ khí</b>	
1	Sản xuất kim loại	C24
2	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C25 (không bao gồm mã ngành C252 - sản xuất vũ khí và đạn dược)
3	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
4	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
5	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
6	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
7	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
<b>II</b>	<b>Cao su nhựa</b>	
1	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22
<b>III</b>	<b>Điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin và công nghệ cao</b>	
1	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
2	Xuất bản phần mềm	J582
3	Hoạt động viễn thông	K61
4	Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	K62
5	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các dịch vụ thông tin liên quan khác	K63

<b>IV</b>	<b>Sản phẩm hỗ trợ cho công nghiệp, công nghệ cao</b>	
1	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	C25 (không bao gồm mã ngành C252 - sản xuất vũ khí và đạn dược)
2	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
3	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
4	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
5	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
<b>V</b>	<b>Sản xuất thiết bị điện</b>	
1	Sản xuất thiết bị điện	C27 (không bao gồm Mã ngành C272 - sản xuất pin và ắc quy (trừ các dự án sản xuất pin nhiên liệu hydro, pin năng lượng mặt trời, pin nhiên liệu methanol, pin sinh học ưu tiên thu hút)
<b>VI</b>	<b>Sản xuất vật liệu xây dựng</b>	
1	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu	C239
<b>VII</b>	<b>Công nghiệp nhẹ</b>	
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm (Trừ chế biến thủy sản, giết mổ gia súc, gia cầm với công suất từ 100 tấn sản phẩm/năm trở lên hoặc từ 50 gia súc/ngày trở lên hoặc 500 gia cầm/ngày trở lên)	C10
2	Sản xuất đồ uống (trừ bia, rượu, đồ uống có cồn)	C11
3	Dệt (không bao gồm công đoạn tẩy, nhuộm)	C13
4	Sản xuất trang phục (Trừ công đoạn nhuộm)	C14
5	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	C15 (trừ C15110)
6	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế);	C16

	sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	
7	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	C17 (không bao gồm mã ngành C1701 - sản xuất bột giấy, giấy và bìa)
8	In, sao chép bản ghi các loại	C18
9	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
<b>VIII</b>	<b>Các loại hình công nghiệp khác phù hợp với quy định pháp luật hiện hành</b> (trừ các loại hình công nghiệp không khuyến khích đầu tư theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố (được thay thế bằng Quyết định số 5052/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố))	
1	Sản xuất hoá chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Trừ dự án sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (gồm khí công nghiệp); sản xuất thuốc bảo vệ thực vật; sản xuất, tồn trữ các loại hóa chất; sản xuất phân bón hóa học (gồm phối trộn, sang chiết, đóng gói); dự án lọc, hóa dầu)	C201 (không bao gồm mã ngành C2012 - sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ)
2	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác (Trừ dự án sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (gồm khí công nghiệp); sản xuất thuốc bảo vệ thực vật; sản xuất, tồn trữ các loại hóa chất; sản xuất phân bón hóa học (gồm phối trộn, sang chiết, đóng gói))	C202
3	Sản xuất sợi nhân tạo	C203
4	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31
5	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	D35 (trừ D35111, D35113, D35121)
6	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	E36
7	Thoát nước và xử lý nước thải	E37
8	Thu gom rác thải	E381

9	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	E39
10	Xây dựng nhà các loại	F41
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	F42
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	F43
13	Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải bằng đường ống	H49
14	Vận tải đường thủy	H50
15	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52
16	Hoạt động kinh doanh bất động sản	M68
<b>IX</b>	<b>Các loại hình dịch vụ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành</b>	
1	Bán buôn	G46
2	Bán lẻ	G47
3	Bưu chính và chuyển phát	H53
4	Dịch vụ lưu trú	I55 (trừ I55901, I55902)
5	Dịch vụ ăn uống	I56
6	Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)	L64
7	Bảo hiểm, tái bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)	L65
8	Hoạt động tài chính khác	L66
9	Hoạt động pháp luật, kế toán và kiểm toán	N69
10	Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý	N70
11	Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật	N71
12	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	N72
13	Quảng cáo và nghiên cứu thị trường	N73
14	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	N74
15	Cho thuê hoạt động	O77
16	Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm	O78
17	Hoạt động điều tra bảo đảm an toàn	O80

18	Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan	O81
19	Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác	O82

#### ***1.4. Phạm vi***

- Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án: hoạt động rà phá bom mìn, hoạt động giải phóng mặt bằng; hoạt động san nền; thi công đường giao thông nội bộ; thi công hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải; thi công hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy; thi công hệ thống cấp điện, chiếu sáng; lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc; xây dựng khu nhà điều hành cụm công nghiệp; trồng cây xanh; trạm xử lý nước thải tập trung; hồ sự cố; hệ thống xử lý mùi trạm xử lý nước thải tập trung; kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, kho lưu giữ chất thải nguy hại, kho chứa hóa chất; xây dựng hoàn trả công trình thủy lợi bị ảnh hưởng; xây dựng nút giao kết nối Cụm công nghiệp với Quốc lộ 5; xây dựng đoạn công thoát nước chui qua đường sắt và đường Quốc lộ 5.

- Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công; hoạt động kiểm đếm, đèn bù; nội dung hồ sơ môi trường của các nhà đầu tư thứ cấp vào Cụm công nghiệp.

#### ***1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường***

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐCP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### ***2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng***

- Hoạt động thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, đời sống, sinh kế của các hộ dân.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, hoàn trả kênh mương, san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung; ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, tiêu thoát nước khu vực xung quanh Dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

### ***2.2. Giai đoạn vận hành***

- Hoạt động của khu nhà điều hành dịch vụ và hoạt động vận hành hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh mùi, bùn thải.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông di chuyển trong phạm vi Cụm công nghiệp phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

#### **3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

##### *3.1.1. Nước thải, khí thải*

###### a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng khoảng 6,75 m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD<sub>5</sub>, tổng Nitơ, tổng Photpho, tổng Coliform.

- Nước róc phát sinh từ quá trình bơm cát san nền khoảng 77,4 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS.

- Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động nạo vét bùn, đất; hoạt động đào móng công trình; thi công khuôn đường và vệ sinh phương tiện vận chuyển khoảng 34 m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, dầu mỡ khoáng.

###### b) Bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ nhà cửa; bơm cát san nền; hoạt động đào đắp thi công hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của máy móc thi công xây dựng; hoạt động xây dựng của dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOCs,...

##### *3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại*

###### a) Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 195 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi ni lông, vỏ hộp, bìa các tông, giấy vụn, thủy tinh, thức ăn thừa.

###### b) Chất thải xây dựng

- Thảm thực vật từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 118,65 tấn. Thành phần gồm: bèo, thân lúa, cây dại,....

- Tầng đất mặt, bùn từ hoạt động vét hữu cơ, vét bùn để san nền, thi công kênh hoàn trả, hạ tầng kỹ thuật khoảng 546,01 m<sup>3</sup> được tận dụng toàn bộ để trồng cây xanh.

- Tầng đất mặt, đất hữu cơ bóc tách từ đất lúa 2 vụ khoảng 103.011,60 m<sup>3</sup> và đất nuôi trồng thủy sản khoảng 3.100 m<sup>3</sup> được tận dụng toàn bộ để trồng cây xanh.

- Tầng đất đào thi công hạ tầng kỹ thuật Dự án khoảng 101.555 m<sup>3</sup>.

- Chất thải từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 169,45 tấn. Thành phần gồm: xà bần, bê tông cũ, sắt thép phế liệu, các tấm tôn...

- Chất thải xây dựng từ hoạt động sử dụng nguyên vật liệu thi công khoảng 105 tấn. Thành phần gồm: xi măng, gạch đá, coppha hỏng, xà bần, vụn

nguyên liệu, vụn gỗ, sắt thép vụn...

- Bùn cặn tại hồ lắng cầu rửa xe khoảng 15 tấn.

c) Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 75.214 kg. Thành phần chủ yếu: vật liệu hấp phụ; bao bì mềm thải; que hàn, đầu mẫu que hàn; chất kết dính và chất bịt kín; bao bì cứng thải bằng kim loại; pin thải.

### 3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, từ các thiết bị thi công, hoạt động xây dựng các hạng mục, công trình của Dự án.

### 3.1.4. Các tác động khác

- Nước mưa chảy tràn trên phần diện tích đang thi công xây dựng với lưu lượng khoảng 1,36 m<sup>3</sup>/s (trong ngày có lượng mưa lớn nhất). Thông số ô nhiễm chủ yếu: TSS, dầu mỡ khoáng.

- Tác động đến các đối tượng, công trình thuộc diện thu hồi, giải phóng mặt bằng: đất nông nghiệp, kênh mương nội đồng; di chuyển đường điện trung thế hiện có 35 Kv; lưu trữ lớp đất hữu cơ.

- Tác động đến các đối tượng, công trình xung quanh do hoạt động thi công, xây dựng dự án: khu dân cư lân cận; giao thông khu vực; an ninh, xã hội; hệ thống kênh mương, tiêu thoát nước.

## 3.2. Giai đoạn vận hành

### 3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

Tổng lượng nước thải dự kiến phát sinh từ hoạt động của Dự án (bao gồm cả nước thải phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp) trong giai đoạn vận hành lớn nhất khoảng 1.680 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Nhiệt độ, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng Nitơ (T-N), Tổng Phốt pho (T-P), Tổng Coliform, Độ màu, Asen (As), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Cadmi (Cd), Crom VI (Cr6+), Tổng Crom (Cr), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Sắt (Fe), Xianua (CN-), Amoni (N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup>), Tổng Phenol, Dầu mỡ khoáng, Sunfua (S<sub>2</sub>-), Florua (F-), Clorua (Cl-), Clo dư, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ (tính theo các cấu tử: Aldrin, Lindane, Dieldrin, Tổng DDT (bao gồm: DDT, DDD, DDE), Heptachlor & Heptachlor epoxide), Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ (tính theo các cấu tử: Dimethoate, Diazinone, Ethyl-parathion, Monocrotophos, Methamidophos, Phosphamidon, Trichlorfon, Disulfoton, Phorate, Methyl-Parathion), PCB ((Polychlorinated biphenyls), tính theo các cấu tử: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 138, PCB153, PCB 180), Chất hoạt động bề mặt anion.

b) Khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong

phạm vi Cụm công nghiệp và hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.

- Mùi phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H<sub>2</sub>S, Mercaptane, CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>,...

### 3.2.2. *Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại*

#### a) *Chất thải rắn sinh hoạt*

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại khu nhà điều hành, trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp khoảng 39 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, vỏ hoa quả, túi ni lông, vỏ chai, bìa các tông, giấy vụn, thủy tinh.

#### b) *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của khu nhà điều hành, hoạt động quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp. Thành phần chủ yếu: bùn thải từ bể tự hoại, bể tách mỡ tại khu nhà điều hành Cụm công nghiệp, trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp với khối lượng khoảng 983 kg/năm; bùn từ hoạt động nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa với khối lượng khoảng 10.865 kg/năm; cành lá cây từ hoạt động cắt tỉa, chăm sóc cây xanh và hoạt động vệ sinh mặt bằng Cụm công nghiệp khoảng 3.853 kg/năm.

#### c) *Chất thải nguy hại*

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật và trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp khoảng 81.912,5 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại; dầu thải; pin thải; hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm; bao bì mềm thải; bao bì nhựa cứng thải; bùn thải tại trạm xử lý nước thải tập trung.

### 3.2.3. *Tiếng ồn, độ rung*

Tiếng ồn từ hoạt động vận tải và phương tiện cá nhân ra vào Cụm công nghiệp; máy móc thiết bị tại trạm xử lý nước thải tập trung.

## **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

#### **4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải**

##### a) *Giai đoạn thi công xây dựng*

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí trên công trường 08 nhà vệ sinh di động có bể chứa chất thải dung tích 2,0 m<sup>3</sup>/nhà để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng trên công trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Nước róc từ quá trình bơm cát san nền: Thu gom về rãnh thu, hồ lắng tạm (07 hố, dung tích 39 m<sup>3</sup>/hố) để lắng cặn chất rắn lơ lửng sau đó bơm đẩy theo đường ống HDPE D350 để thoát ra sông Kinh Môn.

- Nước thải thi công:

+ Nước thải từ hoạt động thi công công thoát nước được thu gom vào hố lắng tạm có đặt gói thấm dầu để lắng cặn chất rắn, tách váng dầu mỡ.

+ Nước thải từ hoạt động đào hố móng công trình hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp: Bố trí rãnh thu dẫn nước vào các hố lắng tạm (khoảng 3 m<sup>3</sup>/hố) có đặt gói thấm dầu để tách váng dầu mỡ; nước thải từ quá trình đào khuôn đường: bố trí rãnh thu dọc hai bên khuôn đường, trung bình cứ 10 m bố trí một hố lắng tạm (khoảng 2 m<sup>3</sup>/hố) có đặt gói thấm dầu.

Nước thải thi công được thu gom, lắng cặn, tách váng dầu mỡ và tái sử dụng cho hoạt động tưới bụi công trường, tưới ẩm nguyên vật liệu.

+ Nước thải rửa xe: Tại công trường bố trí 01 cầu rửa xe và 01 hố lắng tạm (khoảng 04 m<sup>3</sup>) có đặt gói thấm dầu. Nước sau lắng cặn, tách váng dầu mỡ được tái sử dụng cho rửa xe và tưới bụi công trường. Bùn thải tại hố lắng tạm được hút vào xe bồn, chở đi xử lý cùng với chất thải xây dựng theo quy định.

#### b) Giai đoạn vận hành

- Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu nhà vệ sinh tại nhà điều hành Cụm công nghiệp được thu gom, xử lý sơ bộ tại 03 bể tự hoại (8,3 m<sup>3</sup>/bể); nước thải sinh hoạt từ bồn cầu nhà vệ sinh tại nhà điều hành trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp được thu gom, xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại (03 m<sup>3</sup>); nước rửa tay, thoát sàn và nước thải ăn uống tại nhà ăn trong nhà điều hành CCN được thu gom, xử lý sơ bộ tại 01 bể tách mỡ 3 ngăn (03 m<sup>3</sup>), sau đó được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ hoạt động của các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) sau khi xử lý sơ bộ đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối do Ban quản lý cụm công nghiệp yêu cầu được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Tính chất nước thải đầu vào
1	pH	-	5-9
2	Nhiệt độ	oC	≤ 45
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5 ở 20 oC)	mg/L	≤ 100
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 300
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 200
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 40
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 6
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	-

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Tính chất nước thải đầu vào
9	Độ màu	Pt/Co	-
10	Asen (As)	mg/L	$\leq 0,25$
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	$\leq 0,005$
12	Chì (Pb)	mg/L	$\leq 0,5$
13	Cadmi (Cd)	mg/L	$\leq 0,1$
14	Crom VI (Cr6+)	mg/L	$\leq 0,5$
15	Tổng Crom (Cr)	mg/L	$\leq 2$
16	Đồng (Cu)	mg/L	$\leq 3,0$
17	Kẽm (Zn)	mg/L	$\leq 5,0$
18	Niken (Ni)	mg/L	$\leq 3,0$
19	Mangan (Mn)	mg/L	$\leq 10,0$
20	Sắt (Fe)	mg/L	$\leq 10,0$
21	Xianua (CN-)	mg/L	$\leq 1,0$
22	Amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ), tính theo N	mg/L	$\leq 10$
23	Tổng Phenol	mg/L	$\leq 3,0$
24	Dầu mỡ khoáng	mg/L	$\leq 30$
25	Sunfua (S <sub>2</sub> -)	mg/L	$\leq 0,5$
26	Florua (F-)	mg/L	$\leq 15,0$
27	Clorua (Cl-) (không áp dụng khi xả thải vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/L	$\leq 1000$
28	Clo dư	mg/L	$\leq 2,0$
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ, tính theo các cấu tử: Aldrin, Lindane, Dielrin, Tổng DDT (bao gồm: DDT, DDD, DDE), Heptachlor & Heptachlor epoxide	mg/L	$\leq 0,1$
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ, tính theo các cấu tử: Dimethoate, Diazinone, Ethyl-parathion, Monocrotophos, Methamidophos, Phosphamidon, Trichlorfon, Disulfoton, Phorate, Methyl-Parathion	mg/L	$\leq 1,0$
31	PCB (Polychlorinated biphenyls), tính theo các cấu tử: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 138, PCB153, PCB 180	mg/L	$\leq 0,003$
32	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	$\leq 5,0$

- Đầu tư xây dựng và vận hành 01 trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cụm công nghiệp, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt

QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A trước khi xả ra ngoài môi trường:

+ Quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Trạm bơm đầu vào → Bể tách dầu mỡ, lắng cát → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH 1 → Bể phản ứng oxy hóa → Bể điều chỉnh pH 2 → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH 3 → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Nước sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (Cột A) → điểm tiếp nhận nước thải.

+ Vị trí xả nước thải theo Văn bản số 4983/SNNMT-CCTNNPCTT ngày 07/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ), cụ thể:

++ Tọa độ vị trí xả nước thải vào kênh đường tàu (kênh đất theo Quốc lộ 5):  $X(m) = 2314292.42$ ;  $Y(m) = 584110.13$

++ Tọa độ vị trí xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung qua Quốc lộ 5:  $X(m) = 2314538.44$ ;  $Y(m) = 584111.12$

++ Tọa độ vị trí xả nước thải vào kênh Đầm Ma:  $X(m) = 2314600.38$ ;  $Y(m) = 584381.32$

+ Công suất trạm xử lý nước thải tập trung:  $1.750 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  (Giai đoạn 1:  $750 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ; Giai đoạn 2:  $1.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ )

+ Phương thức xả thải: Xả mặt liên tục 24 giờ/ngày.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Đầm Ma.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung, có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu nước thải tự động, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng theo quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục tại đầu ra bao gồm: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Xây dựng, vận hành 01 hồ sự cố nước thải có thể tích chứa nước  $1.750 \text{ m}^3$  có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của trạm xử lý nước thải tập trung.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Xây dựng hệ thống thu gom, công trình xử lý nước thải phục vụ giai đoạn thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng Dự án, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án

được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

- Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung phù hợp với tiến độ thu hút đầu tư và hoạt động của các dự án/cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp, đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cụm công nghiệp đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A ra điểm xả nước thải và thoát ra kênh Đầm Ma. Không được phép xả nước thải không đáp ứng yêu cầu này ra môi trường trong mọi trường hợp.

- Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo trạm xử lý nước thải tập trung luôn vận hành bình thường; việc vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung theo quy định.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung, có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu nước thải tự động, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng theo quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục tại đầu ra bao gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Xây dựng, vận hành 01 hồ sự cố nước thải dung tích là 1.750 m<sup>3</sup> có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thỏa thuận với chủ các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp về trách nhiệm xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung; điều kiện được tiếp nhận và tạm dừng tiếp nhận nước thải từ các dự án/cơ sở thứ cấp về trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án thông qua văn bản thỏa thuận.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

#### 4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

##### a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực hiện thi công cuốn chiếu, dứt điểm theo từng khu vực; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh.

- Phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, sử dụng phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Lắp đặt tường rào xung quanh vị trí thi công; che phủ bạt đôi với các bãi chứa đất hữu cơ và tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải.

- Bố trí 01 cầu rửa bánh xe phương tiện vận chuyên tại công trường, đảm bảo tất cả các xe vận chuyên được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

- Bố trí xe chuyên dụng để tưới nước dập bụi trên tuyến đường nội bộ phục vụ thi công, tăng tần suất tưới vào mùa khô; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng, tăng tần suất trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

#### b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện trồng cây xanh với tổng diện tích khoảng 66.693 m<sup>2</sup>.

- Máy phát điện sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05%) để giảm thiểu lượng phát thải SO<sub>2</sub>; bố trí vị trí phòng đặt máy phát điện dự phòng đảm bảo khoảng cách ly với khu vực khác.

- Thực hiện vệ sinh, phun, tưới nước cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khuôn viên Dự án.

- Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống xử lý mùi tại trạm xử lý nước thải tập trung để hạn chế mùi hôi và khí thải phát sinh, đảm bảo QCVN 01:2025/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người:

- + Lưu lượng thiết kế: 500 m<sup>3</sup>/giờ.

- + Công nghệ xử lý: Khí thải → Hệ thống đường ống → Tháp xử lý sử dụng dung dịch hấp thụ NaOH và NaOCl → các chất gây mùi được thu hồi ở đáy tháp.

- Không bố trí các dự án thứ cấp có phát sinh bụi, khí thải, mùi khó chịu có thể gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến không khí xung quanh ở các lô đất công nghiệp tại vị trí tiếp giáp với khu dân cư.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và định kỳ thực hiện nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

- Giám sát, yêu cầu nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường của từng Dự án.

#### c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện

pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu; khoảng cách an toàn về môi trường đối với trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Vận hành hệ thống xử lý mùi tại trạm xử lý nước thải tập trung để hạn chế mùi hôi và khí thải phát sinh.

- Không bố trí các dự án thứ cấp có nguy cơ gây ô nhiễm cao về bụi, khí thải, mùi ở các lô đất công nghiệp tại vị trí tiếp giáp với khu dân cư.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và định kỳ thực hiện nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

- Giám sát, yêu cầu dự án/cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường của từng dự án/cơ sở.

#### **4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

*4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường*

##### a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng.

- Các loại chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; các loại chất thải rắn không thể tận dụng được thu gom, lưu giữ tại khu tập kết diện tích khoảng 50 m<sup>2</sup>; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Bùn, đất được vét từ kênh mương thủy lợi được tận dụng để đắp bù tại các lô đất nhằm nâng cao cos nền, không vận chuyển ra ngoài phạm vi Dự án.

##### b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí 03 thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại khu nhà điều hành, khu trạm xử lý nước thải của Dự án.

- Bố trí 01 kho chứa với diện tích khoảng 12,46 m<sup>2</sup> tại khu đất kỹ thuật để lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt đường, hạ tầng. Bùn thải tại hệ thống thu gom, thoát nước mưa, thoát nước thải, hố

ga lắng cặn, bể tự hoại 3 ngăn, bể tách mỡ được hút trực tiếp vào xe bồn của đơn vị xử lý, không lưu chứa trong kho. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của các dự án/cơ sở thứ cấp được chủ các dự án/cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp thực hiện theo thủ tục môi trường của từng dự án/cơ sở thứ cấp.

#### c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Phân loại tại nguồn và quản lý, chuyển giao chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026; Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

#### 4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

##### a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tại công trường thi công bố trí 06 thùng phuy (240 lít/thùng) để lưu chứa chất thải nguy hại; riêng mã bao bì kim được đặt trên khay chứa chống tràn bằng nhựa. Thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời bằng công ten nơ 40 feet (diện tích khoảng 30 m<sup>2</sup>) được bố trí đảm bảo đúng quy cách, lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

##### b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí các thùng chứa và 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích khoảng 12,46 m<sup>2</sup> tại lô đất kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 trước khi chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định

- Việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các dự án/cơ sở thứ cấp được chủ các dự án/cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp thực hiện theo thủ tục môi trường của từng dự án/cơ sở.

#### c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

#### *4.3.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng*

- Quản lý kiểm soát thiết bị thi công; tổ chức thi công hợp lý, trang bị đầy đủ biện pháp bảo vệ cho công nhân.

- Che chắn công trường bằng tường rào để hạn chế truyền âm ra bên ngoài; lựa chọn vị trí tập kết máy móc hợp lý, cách xa khu dân cư.

#### *4.3.2 Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành*

- Lắp đặt máy phát điện, thiết bị của trạm xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật để giảm ồn, chống rung; định kỳ vệ sinh, tra dầu mỡ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

- Các dự án/cơ sở đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho từng dự án/cơ sở.

- Yêu cầu về môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác trong quá trình thi công và vận hành dự án

### **4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

#### *4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn*

##### a) Giai đoạn thi công

- Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa kích thước B x H = (0,4 x 0,6) m và các hố lắng đất cát, dung tích 2 m<sup>3</sup>/hố, mật độ khoảng 20 m/hố quanh khu vực thi công để thu gom, lắng cặn nước mưa chảy tràn. Thi công xây dựng

tới đầu bố trí hố lắng tại đó và hoàn trả sau kết thúc thi công; thường xuyên nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước và hố lắng, đảm bảo nước mưa không gây ngập úng khu vực Dự án và xung quanh.

- Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hố lắng → lắng cặn → môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa theo đúng thiết kế đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt. Bố trí hệ thống đường ống thu nước mưa dọc các tuyến đường nội bộ kết cấu BTCT kích thước D800 ÷ D1500 kết hợp với công hộp bê tông cốt thép kích thước B x H = (2.000 x 2.000) mm để thu gom nước mưa của Cụm công nghiệp.

- Định kỳ thực hiện nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa trên tuyến để bảo đảm khả năng tiêu thoát nước.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường. Thực hiện các biện pháp quản lý, vận hành các công trình thu gom, thoát nước mưa chảy tràn đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực Dự án và khu vực xung quanh, không gây úng ngập trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án.

*4.4.2. Biện pháp giảm thiểu đến các đối tượng, công trình diện thu hồi, giải phóng mặt bằng*

a) Giảm thiểu tác động thu hồi đất, chiếm dụng đất nông nghiệp

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương hoàn thành công tác đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

b) Giảm thiểu tác động chiếm dụng vĩnh viễn kênh mương nội đồng

- Thực hiện hoàn trả công trình thủy lợi theo Văn bản số 4982/SNNMT-CCNNPCTT ngày 07/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Chỉ triển khai phá dỡ các công trình thủy lợi hiện trạng sau khi hoàn thành xây dựng hoàn trả và đưa vào sử dụng các công trình thủy lợi thay thế.

- Thực hiện bàn giao toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoàn trả sau khi hoàn thành (bao gồm công trình và phần đất gắn với công trình) cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi An Hải để quản lý, vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026.

c) Giảm thiểu tác động do di chuyển đường điện trung thế hiện có 35Kv

Thực hiện di chuyển tuyến đường dây 35 Kv hiện hữu đi qua khu vực Dự án thuộc lộ 73E2.9 theo Văn bản số 2038/PCHP-KT ngày 13/4/2026 của Công ty điện lực Hải Phòng.

d) Giảm thiểu tác động do lưu trữ lớp đất hữu cơ

Bố trí bãi chứa đất hữu cơ diện tích mỗi bãi chứa không quá 100 m<sup>2</sup> và chiều cao bãi chứa không quá 1,5 m. Toàn bộ bùn, đất hữu cơ từ hoạt động bóc đất bề mặt trong phạm vi Dự án được tập kết tại các khu vực quy hoạch trồng cây xanh và tận dụng toàn bộ vào mục đích trồng cây trong khuôn viên Dự án.

*4.4.3. Biện pháp giảm thiểu đến các đối tượng, công trình do hoạt động thi công, xây dựng dự án*

a) Giảm thiểu tác động đến khu vực dân cư lân cận

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến khu dân cư lân cận như tưới ẩm công trường, che phủ vật liệu, bố trí khu tập kết xa khu dân cư và lắp đặt hàng rào che chắn. Máy móc, thiết bị thi công được vận hành theo lịch trình hợp lý; áp dụng biện pháp giảm ồn, giảm rung tại các khu vực gần dân cư. Đồng thời, thực hiện hoàn trả kênh mương theo đúng phương án được chấp thuận và xây dựng hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch nhằm hạn chế nguy cơ ngập úng khu vực xung quanh.

b) Giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực

- Thực hiện phương án tổ chức giao thông khi xây dựng nút giao kết nối Cụm công nghiệp với Quốc lộ 5; xây dựng đoạn cống thoát nước qua đường sắt và Quốc lộ 5 theo Văn bản số 1428/PC080-AH ngày 16/4/2026 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố.

- Đối với quá trình vận chuyển cát san nền: lắp đặt, gia cố tuyến ống HDPE D350...đúng theo thiết kế; thu gom nước róc qua hố lắng, kiểm soát bùn cát, dầu mỡ, không để ảnh hưởng đến sông Kinh Môn. Đồng thời, sà lan được neo đậu đúng vị trí, không cản trở giao thông thủy; bố trí biển báo, thiết bị PCCC, phao cứu sinh, vật liệu ứng phó tràn dầu và tập huấn an toàn để kịp thời xử lý khi có sự cố.

c) Giảm thiểu tác động đến an ninh, xã hội

Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, ban hành nội quy về an ninh trật tự, giờ làm việc, sinh hoạt và ứng xử với cộng đồng. Nghiêm cấm cờ bạc, rượu bia, gây rối, xô xát, trộm cắp. Phối hợp với chính quyền, công an và y tế địa phương để quản lý tạm trú, xử lý mâu thuẫn phát sinh và phòng chống dịch bệnh.

d) Giảm thiểu tác động đến hệ thống kênh mương, tiêu thoát nước khu vực lân cận

- Duy trì khả năng cấp nước tưới, tiêu và thoát nước: Trước khi san nền, Chủ đầu tư hoàn trả kênh mương theo phương án được chấp thuận; bố trí mương tạm/rãnh thoát nước trong quá trình thi công để không làm gián đoạn hệ thống thủy lợi hiện trạng.

- Hạn chế bồi lắng, tắc nghẽn: Thu gom bùn đất, vật liệu, chất thải đúng nơi quy định; nước thải và nước mưa chảy tràn được thu gom, lắng cặn/xử lý trước khi thoát ra môi trường.

#### **4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố**

##### **4.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

- Sự cố cháy nổ: Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

- Sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Sự cố sụt lún công trình: Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây lún, nứt các công trình khu vực Dự án trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra lún, nứt hoặc tiềm ẩn nguy cơ lún, nứt ảnh hưởng các công trình hạ tầng, nhà cửa và các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khác phục tình hình và đền bù mọi thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

- Sự cố do hoạt động bơm cát san nền: Sử dụng tuyến ống bơm có khả năng chịu áp phù hợp; kiểm tra đảm bảo an toàn tại vị trí đặt ống trước khi vận hành; bố trí nhân lực theo dõi trong quá trình bơm; không vận hành vượt lưu lượng, áp lực cho phép; bố trí bao cát, rãnh thu gom hoặc bờ chắn tạm tại vị trí có nguy cơ

rò rỉ; khi có sự cố phải dừng bơm, cô lập đoạn ống, thu gom cát/bùn/nước tràn và chỉ vận hành lại sau khi khắc phục an toàn.

- Sự cố do hoạt động bơm cát tại bến bơm hút cát: Bố trí khu vực neo đậu, cập/rời bến rõ ràng; phương tiện thủy phải neo đậu đúng vị trí, không cản trở luồng giao thông và không va chạm với tuyến ống bơm, máy bơm, công trình tạm. Trang bị phao cứu sinh, bình chữa cháy, phao quây dầu, vật liệu thấm dầu và thường xuyên kiểm tra động cơ, kết nối nhiên liệu, đường ống, van khóa. Khi xảy ra sự cố tràn dầu, rò rỉ nhiên liệu, va chạm hoặc hư hỏng tuyến ống, phải dừng bơm, cô lập khu vực, thu gom dầu/bùn cát phát sinh và thông báo cơ quan chức năng phối hợp xử lý.

#### 4.5.2. Giai đoạn vận hành

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với dự án/cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp

- Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường của các dự án/cơ sở thứ cấp; định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu nước thải sau xử lý của từng cơ sở với tần suất phù hợp theo ngành nghề, quy mô và mức độ rủi ro môi trường, nhằm bảo đảm nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung.

- Trường hợp nước thải của cơ sở thứ cấp không đạt tiêu chuẩn đầu nối, Chủ đầu tư hạ tầng sẽ tạm dừng tiếp nhận, đóng van đầu nối hoặc cách ly dòng thải; đồng thời yêu cầu cơ sở khẩn trương khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải. Việc tiếp nhận lại chỉ thực hiện sau khi có kết quả kiểm tra cho thấy nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Cụm công nghiệp.

b) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải tập trung

- Xây dựng, hoàn thiện trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng quy mô, công nghệ thiết kế; bố trí van chặn tại đầu ra bể khử trùng và van phai tại cửa xả nước thải trước khi thoát ra môi trường, bảo đảm có thể cô lập dòng thải trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn hoặc hệ thống xảy ra sự cố.

- Xây dựng và vận hành 01 hồ sự cố dung tích 1.750 m<sup>3</sup>, bảo đảm khả năng lưu chứa nước thải tối đa trong khoảng 24 giờ. Hồ sự cố được xây dựng kiên cố, nền đầm chặt, lót vải địa kỹ thuật và màng HDPE chống thấm, thành hồ cao hơn cao độ san nền khoảng 0,3 m để hạn chế nước mưa chảy tràn vào hồ. Khi trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được dẫn/lưu giữ tại hồ sự cố; sau khi sự cố được khắc phục, nước thải được bơm trở lại trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Bố trí máy phát điện dự phòng, thiết bị dự phòng cần thiết và nhân viên vận hành thường trực để bảo đảm trạm xử lý nước thải tập trung hoạt động ổn định.

Nhân viên vận hành được tập huấn, thực hiện giám sát hằng ngày, vận hành và bảo dưỡng hệ thống theo đúng quy trình đã thiết lập.

- Quy định trong văn bản thỏa thuận/hợp đồng đầu nôi với các dự án/cơ sở thứ cấp về cơ chế tạm dừng tiếp nhận nước thải khi trạm xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố vượt quá khả năng lưu chứa của hồ sự cố. Các cơ sở thứ cấp phải chủ động bố trí công trình/biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải phù hợp tại cơ sở mình. Trường hợp hồ sự cố của cụm công nghiệp không còn khả năng tiếp nhận, Chủ đầu tư hạ tầng sẽ đóng van đầu nôi, thông báo tạm ngừng tiếp nhận nước thải và yêu cầu các cơ sở thứ cấp vận hành phương án ứng phó sự cố tại chỗ cho đến khi trạm xử lý nước thải tập trung được khắc phục.

c) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nước thải từ hệ thống thu gom nước thải

Định kỳ kiểm tra, giám sát chất lượng công trình của hệ thống thu gom để kịp thời phát hiện hư hỏng và khắc phục; bố trí máy bơm, đường ống bơm nước thải và phao quây dự phòng để sẵn sàng ứng phó sự cố. Trường hợp phát hiện sự cố, lập tức thông báo cho người phụ trách khu vực xảy ra sự cố; vận chuyển cát, phao quây ngăn tạo bờ để phân lập khu vực rò rỉ nước thải, ngăn chặn nước thải tràn ra xung quanh; thực hiện bơm nước thải bị rò rỉ về trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án; khẩn trương sửa chữa, khắc phục vị trí rò rỉ của hệ thống thu gom nước thải.

d) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý mùi

- Thường xuyên vệ sinh song chắn rác, dọn dẹp hệ thống thu gom nước thải nhằm giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi xảy ra sự cố; vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình hoặc yêu cầu của nhà sản xuất.

- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định; chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, nhanh chóng tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời.

đ) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với kho lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

Kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất

thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

e) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Định kì kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, thoát nước mưa, thoát nước thải để kịp thời phát hiện hỏng hóc, rò rỉ, khắc phục kịp thời; định kỳ nạo vét các hố ga, mương thoát nước, cống thoát nước đảm bảo năng lực thoát nước tối đa; thường xuyên cập nhật các số liệu về tình hình mưa lũ, ngập lụt tại địa phương và các khu lân cận; phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình ứng phó sự cố ngập lụt do thiên tai; bố trí lực lượng chuyên môn xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra ngập úng cục bộ trong phạm vi Dự án.

- Trường hợp xảy ra ngập úng phải bố trí ngay máy bơm di động để ứng phó sự cố; tổ chức dọn vệ sinh môi trường công cộng, kiểm tra nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt, thực hiện các biện pháp khử trùng, tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh để phòng ngừa dịch bệnh phát sinh và lây lan sau ngập úng.

g) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

- Lập kế hoạch, phương án phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về hóa chất và tổ chức thực hiện; thực hiện quản lý, bảo quản, lưu giữ hóa chất theo quy định của pháp luật về hóa chất.

- Bố trí 01 kho chứa hóa chất có diện tích 25,59 m<sup>2</sup> (8,530\*3m) (tại lô đất kỹ thuật), kho chứa được thiết kế xây dựng đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định

- Trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ hóa chất, kịp thời xác định vị trí hóa chất tràn đổ; dùng cát khô thấm hút hóa chất tràn đổ. Cát sau khi thấm hóa chất được thu gom, tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

h) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Lập và thực hiện phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lắp đặt đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, bảo đảm nguồn nước chữa cháy và kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ để thiết bị luôn sẵn sàng hoạt động.

- Ban hành nội quy, biển báo, sơ đồ thoát nạn và phân công trách nhiệm phòng cháy chữa cháy cho người lao động; yêu cầu kiểm tra, ngắt các thiết bị điện, nguồn nhiệt không cần thiết sau giờ làm việc.

- Định kỳ tập huấn, diễn tập phòng cháy chữa cháy cho người lao động; bố trí lực lượng phòng cháy chữa cháy cơ sở thường trực, sẵn sàng xử lý sự cố ban đầu.

- Khi xảy ra cháy nổ, kịp thời báo động, thông báo lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp, phối hợp sơ tán người lao động, khoanh vùng đám cháy và xử lý theo phương án được duyệt.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường**

### ***5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng***

#### ***5.1.1. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại***

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026; Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

#### ***5.1.2. Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung***

- Vị trí giám sát: 02 vị trí, tại 01 điểm cách Dự án khoảng 100 m cuối hướng gió và 01 điểm tại khu vực tập trung máy móc, thiết bị thi công.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi tổng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

### ***5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành***

#### ***5.2.1 Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại***

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông

tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026; Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

### 5.2.2. Chương trình giám sát nước thải

#### a) Giám sát nước thải tự động, liên tục:

- Vị trí giám sát: Nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung tại mương quan trắc.

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Tần suất giám sát: Liên tục 24/24 giờ.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A.

- Chế độ báo cáo: Truyền dữ liệu giám sát môi trường trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng theo quy định.

#### b) Giám sát nước thải định kỳ:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại vị trí xả nước thải sau xử lý vào kênh đường tàu (kênh đất theo Quốc lộ 5).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, BOD5, COD, TSS, Tổng Nitơ (T-N), Tổng Phốt pho (T-P), Tổng Coliform, Độ màu, Asen (As), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Cadmi (Cd), Crom VI (Cr6+), Tổng Crom (Cr), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Sắt (Fe), Xianua (CN-), Amoni (N-NH4+), Tổng Phenol, Dầu mỡ khoáng, Sunfua (S2-), Florua (F-), Clorua (Cl-), Clo dư, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ (tính theo các cấu tử: Aldrin, Lindane, Dieldrin, Tổng DDT (bao gồm: DDT, DDD, DDE), Heptachlor & Heptachlor epoxide), Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ (tính theo các cấu tử: Dimethoate, Diazinone, Ethyl-parathion, Monocrotophos, Methamidophos, Phosphamidon, Trichlorfon, Disulfoton, Phorate, Methyl-Parathion), PCB ((Polychlorinated biphenyls), tính theo các cấu tử: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 138, PCB153, PCB 180), Chất hoạt động bề mặt anion.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A.

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:**

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành; hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thi công.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người dân tham gia giao thông được biết.

- Thực hiện việc hoàn trả công trình thủy lợi theo văn bản số 4982/SNNMT\_CCTNNPCTT ngày 07/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và đầu nối thoát nước mưa, nước thải theo văn bản số 4983/SNNMT-CCTNNPCTT ngày 07/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án và đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, đặc biệt là diện tích cây xanh trong cụm công nghiệp; đảm bảo vị trí, phạm vi, ranh giới của trạm xử lý nước thải tập trung trong Cụm công nghiệp đáp ứng các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật về khoảng cách an toàn về môi trường; san nền phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực xung quanh, đường giao thông khu vực và quy hoạch chung của địa phương; xây dựng hệ thống cống thu gom thoát nước mưa theo thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước chung của khu vực, không gây ngập úng.

- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp được bố trí phù hợp với các loại hình đầu tư trong Cụm công nghiệp và hoàn thành việc đầu tư xây dựng, đưa vào vận hành phù hợp với tiến độ thu hút đầu tư các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, đảm bảo việc tiếp nhận dự án/cơ sở thứ cấp có phát sinh nước thải vào cụm công nghiệp phải phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại Mục 1.3. của Quyết định này; yêu cầu chủ các dự án thứ cấp vào Cụm công nghiệp phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định 48/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; thực hiện công khai kết quả quan trắc nước thải tự động liên tục và kết quả quan trắc nước thải định kỳ của Dự án theo quy định.

- Lập hồ sơ xin cấp phép môi trường và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường của các Dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện Dự án đầu tư chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào Dự án đầu tư, Dự án đầu tư xây dựng./

---